TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM -ST
Ngày: 28-3-2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Thị Hồng Lan
  Bà Cao Thị Chính
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:

Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2017/TLST- KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (gọi tắt là VBank); Địa chỉ: 108 đường T, Quận H, TP. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Kiều H - Phó giám đốc VBank - Chi nhánh Bình Định (giấy ủy quyền số 612/UQ-HĐQT - NHCT18 ngày 29/6/2015); Địa chỉ: 66A đường L, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Bà Trương Thị Ánh N, sinh năm: 1972; Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Tổ 4, KV7, P. B, TP. Quy Nhơn; HKTT: 151/9 Ấp C, xã H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Tại phiên tòa ông H có mặt. Bà N, ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2016 và các lời khai trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 19/10/2010 vợ chồng bà Trương Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T đã ký hợp đồng tín dụng số 375/10/HĐTD-VB với Ngân hàng TMCP C - CN Bình Định (gọi tắt là VBank) với số tiền:150.000.000 đồng, Mục đích vay: kinh doanh mua bán cà phê và cây cảnh.Thời gian cho vay: 12 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng: 19/10/2011. Lãi suất trong hạn thời điểm vay 14%/năm. Ngày 15/12/2010 Bà N và ông T ký hợp đồng tín dụng số 453/10/HĐTD-VB ngày 15/12/2010 với số tiền đã cho vay: 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay: kinh doanh mua bán cà phê và cây cảnh. Thời gian cho vay 12 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng: 15/12/2011. Lãi suất trong hạn thời điểm vay 18.5%/năm. Cả hai hợp đồng đều áp dụng lãi suất phạt quá hạn 50% lãi suất trong hạn và Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 01tháng/lần. Tổng số tiền vay của 02 hợp đồng nói trên là 1.150.000.000 đồng

Tài sản thế chấp:

1. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại tổ 4, khu vực 7, phường B, TP. Quy Nhơn, Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 795863, số vào sổ cấp GCN H00466 do UBND thành phố Quy Nhơn cấp ngày 5/10/2009 thuộc quyền sở hữu của bà N và ông T, theo hợp đồng thế chấp số 264/10-HĐTC-VB ngày 15/12/2010 (đã qua công chứng chứng thực).

2. Một lô đất số thửa 44C khu công nghiệp L, xã P, Tp.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA600028 - số vào sổ cấp GCN CH00050 do UBND thành phố Quy Nhơn cấp ngày 24/6/2010 thuộc quyền sở hữu của bà N và ông T, theo hợp đồng thế chấp số 215/10-HĐTC-VB ngày 19/10/2010 (đã qua công chứng chứng thực).

Từ ngày 19/10/2010 đến ngày 10/10/2011 bà N và ông T đã trả lãi đầy đủ. Nhưng từ ngày 11/10/2011 đến nay bà N và ông T không trả nợ gốc và lãi đúng hạn nên ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 14/12/2011 bà N và ông T đã giao tài sản cho ngân hàng để thu hồi trả nợ. Ngân hàng đã ủy quyền cho Trung tâm bán đấu giá tài sản Bình Định bán đấu giá nhà và đất ở tại tổ 4, khu vực 7, phường B, TP. Quy Nhơn, Bình Định và thu hồi được 1.010.000.000 đồng (theo biên bản bán đấu giá ngày 17/01/2012), sau khi thanh toán các khoản chi phí liên quan đến đấu giá Ngân hàng thu hồi được 970.970.000 đồng. Đối

với lô đất số 44C khu công nghiệp L, xã P, TP.Quy Nhơn tỉnh Bình Định bán đấu giá được 90.000.000 đồng, Ngân hàng thu hồi được 82.740.000 đồng. Sau khi trừ vào số tiền nợ gốc thì bà N và ông T còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc 96.290.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Như vậy, tính đến ngày 28/3/2018 bà N và ông T còn nợ gốc 96.290.000 đồng, nợ lãi trong hạn 279.469.460 đồng và lãi phạt quá hạn 115.867.415 đồng . Do bà N và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N, ông T phải trả số tiền (tạm tính đến 28/3/2018): 491.626.875 đồng và lãi phát sinh sau ngày 28/3/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Trương Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T trình bày (theo bản khai ngày 27/12/2017): Ông bà thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Bình Định 02 hợp đồng, với tổng số tiền vay 1.150.000.000 đồng nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 96.290.000 đồng và tiền lãi trong hạn 268.621.322 đồng và lãi phạt 110.443.330 đồng như thông báo thụ lý số 32/2017 TB-TLVA của Tòa án. Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên ông bà đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại tổ 4, khu vực 7, phường B, TP. Quy Nhơn, Bình Định và 01 lô đất lô số 44C khu công nghiệp L, xã P, TP.Quy Nhơn tỉnh Bình Định đã được cấp giấy chứng thuộc quyền sở hữu của ông bà và ngày 19/9/2012 ông bà đã giao tài sản nói trên cho Ngân hàng tiến hành bán để thu hồi nợ. Hiện tại ông bà rất khó khăn, phải thuê nhà để ở nên không có khả năng trả nợ, yêu cầu Ngân hàng xóa nợ cho ông bà.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bà N, ông T phải trả nợ gốc và lãi 491.626.875 đồng là có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 471, 476, 715, 716 và 721 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bà N và ông T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[2] . Về nội dung vụ án:

Bà Trương Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T vay vốn tại Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh Bình Định (VBank) 02 hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng số 375/10/HĐTD-VB ngày 19/10/2010 với số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh mua bán cà phê và cây cảnh, thời hạn vay 12 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/10/2011, Lãi suất trong hạn thời điểm vay 14%/năm. Hợp đồng tín dụng số 453/10/HĐTD-VB ngày 15/12/2010 với số tiền đã cho vay: 1.000.000.000 đồng. Mục đích: kinh doanh mua bán cà phê và cây cảnh. Thời gian cho vay: 12 tháng . Thời hạn trả nợ cuối cùng: 15/12/2011. Lãi suất trong hạn thời điểm vay 18.5%/năm. Cả hai hợp đồng đều áp dụng lãi suất phạt quá hạn 50% lãi suất trong hạn và Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 01tháng/lần.

Sau khi đối chiếu các số liệu nợ gốc và lãi do ngân hàng cung cấp kể từ thời điểm giải ngân cho đến ngày xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tiền vay gốc: bà N và ông T còn nợ Ngân hàng 96.290.000 đồng. Về lãi vay: bà N, ông T còn nợ lãi trong hạn 279.469.460 đồng và lãi phạt quá hạn 115.867.415 đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà N, ông T còn nợ Ngân hàng 491.626.875 đồng.

Xét hai hợp đồng tín dụng số 375/10/HĐTD-VB ngày 19/10/2010 và hợp đồng số 453/10/HĐTD-VB ngày 15/12/2010 được các bên thừa nhận cùng tham gia ký kết, hình thức và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp pháp. Do bà N, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên VBank khởi kiện yêu cầu bà N, ông T trả nợ gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, cần buộc bà N, ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 491.626.875 đồng (trong đó: gốc 96.290.000 đồng , nợ lãi

trong hạn 279.469.460 đồng và lãi phạt quá hạn 115.867.415 đồng) và lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm.

Về tài sản thế chấp của bà N, ông T trong quá trình vay được xác định theo hợp đồng thế chấp số 215/10-HĐTC-VB ngày 19/10/2010 và hợp đồng thế chấp số 264/10-HĐTC-VB ngày 15/12/2010. Bà N, ông T đã bàn giao tài sản và ủy quyền cho Ngân hàng tổ chức bán đấu giá để thu hồi nợ vay (theo biên bản thỏa thuận việc tự bán tài sản để trả nợ vay ngân hàng ngày 19/11/2011) Ngân hàng đã ủy quyền cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thực hiện việc bán đấu giá ngày 17/01/2012. Bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thủ tục bán đấu giá tài sản nên Tòa án không xem xét.

Bà N, ông T xin được xóa nợ nhưng không được Ngân hàng chấp nhận, không phù hợp với quy định Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Bà N, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476, 715, 716 và 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C yêu cầu bà N và ông T phải trả khoản tiền vay gốc và lãi chưa thanh toán.

2. Buộc bà Trương Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền: 491.626.875 đồng (trong đó: nợ gốc 92.290.000 đồng, lãi trong hạn 279.469.460 đồng, lãi phạt quá hạn 115.867.415 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng VBank thì lãi suất mà bà N, ông T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng VBank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng VBank.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T về việc xin được xóa nợ gốc và lãi.

4. Án phí KDTM sơ thẩm: bà Trương Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn T phải chịu 23.665.000 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí 11.486.000 đồng theo biên lai thu số 0004267 ngày 2/2/2017 của Cục thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

3.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Minh Hòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.